

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ6 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302404 - Qu n ĩ v© khai th c ã ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011793	35CCĐ6	Cao V ã Cát	14/06/1992	7.0	8.0					7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	N HP
2	3571011275	35CCĐ6	Nguy n Th ã Công	06/11/1993	7.0	5.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
3	3571011344	35CCĐ6	L ² Qu c C ng	13/03/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	N HP
4	3571011373	35CCĐ6	Ph m B o Chúc	08/03/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
5	3571011347	35CCĐ6	Ki u ã nh Đ ã	09/10/1993	8.0	6.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	N HP
6	3571011426	35CCĐ6	Nguy n V ã Đ ã	10/03/1991	5.0	6.0					5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
7	3571011294	35CCĐ6	Lê Xuân ã t	26/09/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	N HP
8	3571011281	35CCĐ6	L ² V ã ã o ã	25/07/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
9	3571011366	35CCĐ6	Nguy n Kh c ã c	25/08/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3571011441	35CCĐ6	T ã Ng c Giang	02/09/1992	5.0	5.0					5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	N HP
11	3571011801	35CCĐ6	Lê Thành Hi u	09/02/1992	5.0	7.0					6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	N HP
12	3571011239	35CCĐ6	Qu ã ã i Trung Hi u	02/09/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	N HP
13	3571011349	35CCĐ6	V ½ Qu c Hi u	29/07/1993	8.0	5.0					6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
14	3571011313	35CCĐ6	Lê Minh Hoa	02/02/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
15	3571011815	35CCĐ6	Phan Công H p	12/04/1993	8.0	6.0					7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	N HP
16	3571011283	35CCĐ6	L ² Qu c Hùng	05/12/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
17	3571011816	35CCĐ6	Nguy n Qu c H ng	05/05/1990	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
18	3571011341	35CCĐ6	L ² Nguy n Tu n Khanh	28/10/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	8.0	5.6	8.1	N HP
19	3571011417	35CCĐ6	ñ L ² Ho ã Khánh	06/01/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 35CCĐ6 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302404 - Qu n ầ v ½ khai th ầ c ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011354	35CCĐ6	V ½ ấ c Long	26/08/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
21	3571011384	35CCĐ6	Nguy n Th ầ i L ng	21/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3571011231	35CCĐ6	Nguy n Ng c Ly	20/07/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3571011803	35CCĐ6	Hu nh V ầ t M	02/06/1993	8.0	6.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
24	3571011258	35CCĐ6	ấ inh Cao Nguyên	15/02/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
25	3571011255	35CCĐ6	Lê Thành Nhân	11/11/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
26	3571011372	35CCĐ6	Hu nh T n Nh t	20/05/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
27	3571011240	35CCĐ6	Nguy n Chi m Nh t	15/06/1993	7.0	5.0					6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	N HP
28	3571011409	35CCĐ6	Ph m V ầ Phong	08/04/1991	7.0	7.0					7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
29	3571011401	35CCĐ6	Hu nh Minh Quang	19/05/1992	5.0	7.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
30	3571011804	35CCĐ6	T ầ ấ i Duy Quang	12/03/1992	5.0	6.0					5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	N HP
31	3571011376	35CCĐ6	Nguy n Minh Quy t	15/12/1991	7.0	6.0					6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	N HP
32	3571011292	35CCĐ6	Hu nh Tr ng Ph c Sang	19/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3551010060	35CCĐ6	Ph ½ ng Kh c Anh Tài	21/05/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
34	3571011273	35CCĐ6	Nguy n H u T n	12/08/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	N HP
35	3571011279	35CCĐ6	Nguy n Huy Toàn	01/01/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
36	3571011395	35CCĐ6	Tr n V ầ Toán	30/06/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	N HP
37	3571011222	35CCĐ6	Nguy n Duy Thanh	24/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
38	3571011251	35CCĐ6	Ph m ấ c Th o	15/08/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ6 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302404 - Qu n ấ v ầ khai th ầ c ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ầ T ầ N		NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011224	35CCĐ6	Mai Trung	Thái	06/04/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	N HP
40	3571011233	35CCĐ6	Nguy n Qu c	Th nh	11/08/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	N HP
41	3571011385	35CCĐ6	Ph m Quang	Thu n	27/09/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
42	3571011429	35CCĐ6	Ch ầ u V ầ	Thu n	31/03/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	N HP
43	3571011398	35CCĐ6	T ầ V ầ	Th	21/10/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
44	3571011332	35CCĐ6	Ph ầ ng Vi t	Trúc	12/12/1992	8.0	6.0					7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
45	3571011309	35CCĐ6	Tr ng S ầ	Vinh	15/06/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	

T ng s : 45 h c sinh sinh vi ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ầ o Vi ầ n B M ầ n

Gi ầ o V Khoa